TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày: 24/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức

Ông Lê Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Ngọc Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Đặng Ngọc H, sinh năm 1986, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp ST, xã VĐ, huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng NE, sinh năm 1947 và bà Võ TT, sinh năm 1957; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị tạm giam ngày 16/4/2019 cho đến nay.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1982 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp ST, xã VĐ, huyện T, tỉnh An Giang.

* Người làm chứng:

1/ Bà Đỗ M T, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TV, xã VT, huyện T, tỉnh An Giang.

2/ Chị Trương Thị Hồng D, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TV, xã VT, huyện T, tỉnh An Giang.

3/ Anh Ôn T Ta, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TV, xã VT, huyện T, tỉnh An Giang.

4/ Anh Lê T H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp ST, xã VĐ, huyện T, tỉnh An Giang.

5/ Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TĐ, thị trấn O E, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 15/4/2019, Đặng Ngọc H đi bộ đến nhà của Lê Hoàng L thuộc ấp ST, xã VĐ, huyện T, tỉnh An Giang uống rượu với L. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển số 67M1-413.72 của L chở H đến quán nhậu Thúy Hồng của Đỗ M T thuộc ấp Tân Hiệp B, thị trấn O E, huyện T, tỉnh An Giang rồi dựng xe trong sân của quán, không khóa cổ xe và tiếp tục uống bia cùng với Trương Thị Hồng D tiếp viên của quán. Trong lúc uống bia, H mượn xe của L đi mượn tiền nhưng L không cho. Sau đó, H đi bộ đến nơi dựng xe của L lấy xe dẫn bộ về nhà của Đặng Thị Q chị ruột của H nhưng không có ai ở nhà nên H đi ra phía sau nhà lấy 01 cái áo để mặc và nhặt một chìa khóa rồi ghim vào ổ khóa xe của L mở máy xe chạy về huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để bán thì bị Công an huyện Tri Tôn bắt cùng tang vật và chuyển giao cho Công an huyện T.

Vật chứng thu giữ:

- 01 áo sơ mi ngắn tay, loại vải, màu sọc xanh trắng, vàng;

- 01 xe mô tô biển số 67M1-413.72;

- 01 chìa khóa bằng kim loại dài 10cm, có chữ R07, gắn móc khoen tròn.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐ ngày 22/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện T, kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 67M1-413.72, số máy JC35EO107925, số khung 35036Y017942 đã qua sử dụng, trị giá 10.500.000 đồng.

- 01 thiết bị định vị xe máy, model VT02S đã qua sử dụng, trị giá 960.000 đồng.

Tổng giá trị 02 tài sản là 11.460.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKSTS ngày 10 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Đặng Ngọc H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Ngọc H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Ngọc H từ 06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã thu giữ của bị cáo gồm 01 áo sơ mi ngắn tay, màu xanh, sọc trắng, vàng nhạt; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 10cm, có chữ R07 có gắn móc khoen tròn không còn giá trị sử dụng.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Đặng Ngọc H khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nội dung vụ án được tóm tắt. Bị cáo không tranh luận về tội danh, khoản, điều luật, tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Lê Hoàng L trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, những người làm chứng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Ngọc H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, đã có đủ cơ sở xác định: Do muốn có tiền để tiêu xài nên lợi dụng sự sơ hở của anh Lê Hoàng L trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô biển số 67M1-413.72, số máy JC35EO107925, số khung 35036Y017942; 01 thiết bị định vị xe máy, model VT02S, tổng giá trị 02 tài sản là 11.460.000 đồng của anh Lê Hoàng L. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập chân chính phục vụ cho nhu cầu của bản thân và chăm lo cho gia đình nhưng ngược lại vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Về nhân thân ngày 05/01/2004 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong thời hạn 12 tháng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng và trộm cắp vặt", ngày 08/5/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" nhưng vẫn không sửa đổi, cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân biết tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng chống nạn trộm cắp tài sản vẫn còn xảy ra nhiều trên địa bàn huyện nhà thời gian qua.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, học lực thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản bị cáo lấy trộm đã được giao trả cho bị hại, trong quá trình điều tra bị hại có đơn không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo và tại phiên tòa cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xe mô tô biển số 67M1-413.72 không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng đã thu giữ của bị cáo gồm 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, sọc trắng, vàng nhạt; 01 chìa khóa bằng kim loại dài 10cm, có chữ R07 có gắn móc khoen tròn.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Ngọc H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm h, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/4/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) áo sơ mi ngắn tay màu xanh, sọc trắng, vàng nhạt (đã qua sử dụng);

- 01 (Một) chìa khóa bằng kim loại dài 10cm, có chữ R07 có gắn móc khoen tròn (đã qua sử dụng).

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13 tháng 6 năm 2019).

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện T (2);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- CQĐT Công an huyện T (1);
- CQ THA hình sự huyện T (1);
- Chi cục THADS huyện T (1);
- Nhà Tạm giữ CA huyện T (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND xã, thị trấn nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo, bị hại, các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

TÒA

Phan Thị Minh Tâm